

# Xin Chào Việt Nam

## Biến động thị trường

|                   | 26/05    | 1 ngày | 1T  | 3T  | YTD |
|-------------------|----------|--------|-----|-----|-----|
| VNIndex (điểm, %) | 1,332.51 | 1.4    | 8.4 | 1.9 | 5.2 |
| GTGD (tỷ đồng)    | 23,202   |        |     |     |     |
| VN30 (điểm, %)    | 1,423.85 | 1.0    | 8.1 | 4.4 | 5.9 |

## Các chỉ số

|                         | 26/05       | 1 ngày | 1T     | 3T      | YTD     |
|-------------------------|-------------|--------|--------|---------|---------|
| TPCP 1 năm (% ,đcb)     | 2.07        | 0.82   | (0.36) | 0.92    | 0.54    |
| TPCP 3 năm (% ,đcb)     | 2.30        | 0.40   | 0.43   | 0.84    | 1.63    |
| USD/VND (%)             | 25,913.00   | 0.02   | 0.32   | (1.44)  | (1.65)  |
| JPY/VND (%)             | 181.61      | (0.11) | (0.16) | (6.16)  | (10.52) |
| EUR/VND (%)             | 29,547.00   | (0.14) | (0.10) | (9.39)  | (10.18) |
| CNY/VND (%)             | 3,605.91    | (0.01) | (1.17) | (2.57)  | (3.17)  |
|                         | Phiên trước | 1 ngày | 1T     | 3T      | YTD     |
| TPKB Mỹ 10 năm (% ,đcb) | 4.49        | (0.44) | 6.04   | 5.43    | (1.71)  |
| WTI (USD/thùng, %)      | 61.40       | (0.21) | (2.57) | (12.72) | (14.39) |
| Vàng (USD/oz, %)        | 3,345.62    | 0.42   | 1.70   | 15.67   | 28.09   |

## Giao dịch NĐT tổ chức trong nước

| Mua ròng | (Tỷ đồng) | Bán ròng | (Tỷ đồng) |
|----------|-----------|----------|-----------|
| SHB      | 184.1     | VHM      | (135.4)   |
| HPG      | 100.9     | VSC      | (86.0)    |
| VCG      | 59.5      | VIC      | (59.6)    |
| MBB      | 49.3      | DIG      | (53.0)    |
| GEX      | 49.2      | EIB      | (52.2)    |

## Giao dịch khối ngoại

| Mua ròng | (Tỷ đồng) | Bán ròng | (Tỷ đồng) |
|----------|-----------|----------|-----------|
| VHM      | 150.6     | VIX      | (92.9)    |
| VSC      | 51.3      | VCG      | (69.4)    |
| DIG      | 38.9      | GEX      | (56.7)    |
| IMP      | 27.2      | HPG      | (52.5)    |
| VPB      | 26.2      | FPT      | (39.6)    |

## Biến động theo ngành

| Top 5 ngành tăng        | %    | Top 5 ngành giảm   | %      |
|-------------------------|------|--------------------|--------|
| Dịch vụ thương mại      | 5.30 | Thiết bị & DV y tế | (0.18) |
| Phần mềm & dịch vụ      | 3.47 | Hàng hóa cá nhân   | 0.00   |
| Dược & sinh học         | 3.42 | Bán lẻ             | 0.30   |
| Truyền thông & giải trí | 3.41 | Ngân hàng          | 0.54   |
| Hàng không thiết yếu    | 3.36 | F&B                | 0.95   |

## CÓ GÌ HÔM NAY?

### Nhận định thị trường & Tin tức

- Nhận định thị trường:** Dòng tiền trở lại

### Vĩ mô & Chiến lược

- Chứng quyền có bảo đảm:** Xuất hiện tâm lý thận trọng

### Lịch sự kiện

## Ước tính tổng lợi nhuận doanh nghiệp các cổ phiếu trong VN30

|      | LNHH<br>(Tỷ đồng) | LN ròng<br>(Tỷ đồng) | Tăng EPS<br>(% n/n) | PE<br>(x) | PB<br>(x) | EV/EBITDA<br>(x) | ROE<br>(%) |
|------|-------------------|----------------------|---------------------|-----------|-----------|------------------|------------|
| 2022 | 2,063             | 277                  | 116.6               | 9.8       | 1.6       | 1.4              | 18.4       |
| 2023 | 2,334             | 277                  | 102.0               | 11.7      | 1.6       | 1.3              | 14.3       |
| 2024 | 2,003             | 334                  | 123.1               | 11.7      | 1.6       | 1.5              | 14.8       |
| 2025 | 2,003             | 380                  | 131.4               | 10.8      | 1.6       | 1.6              | 14.8       |

Nguồn: KIS Research, Bloomberg

## Các chỉ báo vĩ mô Việt Nam

|                             | 2Q23   | 3Q23   | 4Q23   | 1Q24   | 2Q24   | 3Q24   | 4Q24   |
|-----------------------------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| GDP (% n/n)                 | 431.0  | 5.5    | 6.7    | 5.7    | 6.9    | 7.4    | 7.6    |
| Cán cân thương mại (tỷ USD) | 7.7    | 8.7    | 6.6    | 8.1    | 4.2    | 8.9    | 4.0    |
| CPI (% n/n, TB)             | (0.1)  | 2.4    | 0.4    | 3.8    | 4.4    | 3.5    | 2.9    |
| Tín dụng (%)                | 9.3    | 10.0   | 13.5   | 12.5   | 15.3   | 16.1   | 13.8   |
| USD/VND (tb)                | 23,571 | 23,925 | 24,379 | 24,786 | 25,458 | 24,093 | 25,386 |
| GDP Mỹ (% n/n)              | 2.4    | 4.9    | 3.3    | 1.6    | 1.9    | 2.8    | 2.5    |
| GDP Trung Quốc (% n/n)      | 7.2    | 4.9    | 5.2    | 4.9    | 4.7    | 4.6    | 4.8    |

Nguồn: KIS Research, Bloomberg

VUI LÒNG THAM KHẢO NGUYÊN TẮC KHUYẾN NGHỊ, THÔNG TIN CÔNG KHAI VÀ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM Ở CUỐI BÁO CÁO

## Nhận định thị trường & Tin tức

### Nhận định thị trường

#### Dòng tiền trở lại

Mặc dù có thời điểm chịu áp lực điều chỉnh, lực cầu gia tăng vào cuối phiên đã giúp thị trường nhanh chóng hồi phục và đóng cửa trong sắc xanh.

Kết phiên, VNIndex tăng 1.37% và đóng cửa ở ngưỡng 1,332 điểm. Trong khi đó, VN30Index tăng 1.03%, đóng cửa tại 1,423 điểm. Khối lượng và giá trị giao dịch trong phiên đạt 1,029 triệu cổ phiếu/23,201 tỷ đồng, tăng lần lượt 7%/1% so với trung bình của năm phiên giao dịch trước đó.

Khối ngoại bán ròng, với hơn 35 tỷ đồng, ở các mã VIX, VCG và GEX với giá trị lần lượt là 92 tỷ đồng, 69 tỷ đồng và 56 tỷ đồng. Ngược lại, họ tập trung mua ròng vào các mã VHM, VSC và DIG với giá trị lần lượt là 150 tỷ đồng, 51 tỷ đồng và 38 tỷ đồng.

Chứng khoán ghi nhận tăng điểm, bao gồm HCM (+2.19%), VCI (+2.07%), MBS (+1.89%), SHS (+1.53%), VND (+1.29%), VIX (+1.12%) và SSI (+1.07%).

Ngân hàng có tỷ suất sinh lời tốt, ở HDB (+2.26%), LPB (+1.72%), CTG (+1.16%), TPB (+0.75%), SHB (+0.74%), TCB (+0.66%), MBB (+0.61%), VCB (+0.35%), VPB (+0.28%) và VIB (+0.27%).

Cổ phiếu Bất động sản đóng cửa trong sắc xanh, nhờ VHM (+6.83%), SIP (+5.99%), BCM (+4.93%), VGC (+4.53%), KDH (+3.20%), NLG (+2.45%), VIC (+1.61%) và SSH (+0.45%).

Bên cạnh đó, dòng vốn còn đổ vào các cổ phiếu vốn hóa lớn như GVR (+6.85%), BVH (+3.52%), PLX (+1.02%), MSN (+0.95%), VNM (+0.72%) và FPT (+0.17%).

Chỉ số tiếp tục tiệm cận ngưỡng 1,340 điểm – đỉnh được thiết lập từ tháng 3/2025. Việc tái kiểm định ngưỡng kháng cự mạnh này có thể khiến thị trường rơi vào trạng thái giằng co. Do vậy, nhà đầu tư nên quan sát và chờ đợi thêm các tín hiệu xác nhận xu hướng.

## Vĩ mô & Chiến lược

### Chứng quyền có bảo đảm

#### Xuất hiện tâm lý thận trọng

Trong tuần 21, thanh khoản trên thị trường chứng quyền ghi nhận sự sụt giảm. Cụ thể, khối lượng và giá trị giao dịch trong tuần ghi nhận ở mức 248.3 triệu chứng quyền/259.7 tỷ đồng, lần lượt giảm 17.2%/7.6% so với tuần liền trước.

Đối với giá trị giao dịch theo tài sản cơ sở, STB và VHM là những tài sản cơ sở có chứng quyền thu hút phần lớn hoạt động giao dịch với 30% tổng giá trị giao dịch. Xếp sau đó là các chứng quyền của các cổ phiếu như TCB, MBB, MWG, VIB và HPG.

Đối với các mã chứng quyền có thời gian đáo hạn trên 1 tháng, biến động tăng ghi nhận ở các mã CVHM2406 (+87.0%), CVHM2411 (+83.4%) và CHPG2504 (+73.6%). Ở hướng ngược lại, biến động giảm ghi nhận ở các mã CHPG2505 (-99.4%), CVNM2503 (-99.1%) và CMSN2503 (-98.5%).

Diễn biến thị trường chứng quyền tuần qua mang sắc thái thận trọng, khi cả khối lượng giao dịch và số mã tăng giá đều suy giảm. Dựa trên kết quả định giá bằng mô hình Black-Scholes, một số mã chứng quyền đang được định giá thấp (undervalued), nổi bật gồm: CVIC2503, CVHM2501 và CVHM2504. Ở hướng ngược lại, các mã như CACB2502, CACB2505 và CMBB2510 đang trong trạng thái bị định giá cao (overvalued), theo thống kê trên tổng số 206 mã chứng quyền được định giá.

## Lịch sự kiện

### ► Lịch sự kiện

| Ngày GDKHQ | Ngày thực hiện | Mã  | Sàn   | Nội dung sự kiện                   | Tỷ lệ thực hiện | Giá trị |
|------------|----------------|-----|-------|------------------------------------|-----------------|---------|
| 27/05/2025 | 27/06/2025     | VCG | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt (800/cp)  | 8.00%           | 800     |
| 27/05/2025 | 18/06/2025     | NDN | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt (500/cp)  | 5.00%           | 500     |
| 27/05/2025 | 27/05/2025     | BCF | HNX   | Phát hành cổ phiếu                 | 12.00%          |         |
| 27/05/2025 | 27/05/2025     | NHA | HOSE  | Phát hành cổ phiếu                 | 10.00%          |         |
| 27/05/2025 | 06/06/2025     | PGS | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt (2000/cp) | 20.00%          | 2,000   |
| 27/05/2025 | 06/06/2025     | HII | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt (300/cp)  | 3.00%           | 300     |
| 27/05/2025 |                | PRO | UPCoM | Đại hội Đồng Cổ đông               |                 |         |
| 27/05/2025 | 12/06/2025     | L10 | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1500/cp) | 15.00%          | 1,500   |
| 27/05/2025 | 16/06/2025     | HAM | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (200/cp)  | 2.00%           | 200     |
| 27/05/2025 | 20/06/2025     | SKG | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt (500/cp)  | 5.00%           | 500     |
| 27/05/2025 | 12/06/2025     | PTH | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (900/cp)  | 9.00%           | 900     |
| 27/05/2025 | 10/06/2025     | MVB | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1000/cp) | 10.00%          | 1,000   |
| 27/05/2025 | 27/06/2025     | CAG | HNX   | Đại hội Đồng Cổ đông               |                 |         |
| 27/05/2025 | 26/06/2025     | TTS | UPCoM | Đại hội Đồng Cổ đông               |                 |         |
| 27/05/2025 |                | EMG | UPCoM | Đại hội Đồng Cổ đông               |                 |         |
| 27/05/2025 | 11/06/2025     | HC3 | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1000/cp) | 10.00%          | 1000    |
| 27/05/2025 |                | TV2 | HOSE  | Đại hội Đồng Cổ đông               |                 |         |
| 27/05/2025 | 18/06/2025     | MTS | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (700/cp)  | 7.00%           | 700     |
| 27/05/2025 | 10/06/2025     | QPH | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (4000/cp) | 40.00%          | 4000    |
| 27/05/2025 | 27/06/2025     | LLM | UPCoM | Đại hội Đồng Cổ đông               |                 |         |
| 27/05/2025 |                | VE3 | HNX   | Đại hội Đồng Cổ đông               |                 |         |
| 27/05/2025 |                | BDT | UPCoM | Đại hội Đồng Cổ đông               |                 |         |
| 27/05/2025 | 23/06/2025     | SBB | UPCoM | Đại hội Đồng Cổ đông               |                 |         |
| 27/05/2025 | 27/06/2025     | BNA | HNX   | Đại hội Đồng Cổ đông               |                 |         |
| 27/05/2025 | 20/06/2025     | XHC | UPCoM | Đại hội Đồng Cổ đông               |                 |         |
| 27/05/2025 |                | ONE | HNX   | Đại hội Đồng Cổ đông               |                 |         |
| 27/05/2025 | 27/06/2025     | NBW | HNX   | Đại hội Đồng Cổ đông               |                 |         |
| 27/05/2025 |                | HAC | UPCoM | Đại hội Đồng Cổ đông               |                 |         |
| 27/05/2025 | 26/06/2025     | VBC | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1800/cp) | 18.00%          | 1800    |
| 28/05/2025 | 28/05/2025     | DCF | UPCoM | Phát hành cổ phiếu                 | 43.33%          |         |
| 28/05/2025 | 09/06/2025     | CCV | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (4630/cp) | 46.30%          | 4,630   |
| 28/05/2025 | 30/06/2025     | MED | HNX   | Đại hội Đồng Cổ đông               |                 |         |
| 28/05/2025 | 11/06/2025     | TDW | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1400/cp) | 14.00%          | 1,400   |
| 28/05/2025 |                | HAH | HOSE  | Đại hội Đồng Cổ đông               |                 |         |

|            |            |     |       |                                       |        |       |
|------------|------------|-----|-------|---------------------------------------|--------|-------|
| 28/05/2025 |            | DDG | HNX   | Đại hội Đồng Cổ đông                  |        |       |
| 28/05/2025 | 28/06/2025 | BMK | UPCoM | Đại hội Đồng Cổ đông                  |        |       |
| 28/05/2025 | 30/06/2025 | ACV | UPCoM | Đại hội Đồng Cổ đông                  |        |       |
| 28/05/2025 | 26/06/2025 | DPR | HOSE  | Đại hội Đồng Cổ đông                  |        |       |
| 28/05/2025 | 27/06/2025 | DFF | UPCoM | Đại hội Đồng Cổ đông                  |        |       |
| 28/05/2025 |            | VRC | HOSE  | Đại hội Đồng Cổ đông                  |        |       |
| 28/05/2025 |            | TNW | UPCoM | Đại hội Đồng Cổ đông                  |        |       |
| 28/05/2025 |            | SRA | HNX   | Đại hội Đồng Cổ đông                  |        |       |
| 28/05/2025 | 06/06/2025 | HTI | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt<br>(1800/cp) | 18.00% | 1,800 |
| 28/05/2025 | 29/06/2025 | VTD | UPCoM | Đại hội Đồng Cổ đông                  |        |       |
| 28/05/2025 | 27/06/2025 | VLW | UPCoM | Đại hội Đồng Cổ đông                  |        |       |
| 28/05/2025 | 26/06/2025 | VIP | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt<br>(1000/cp) | 10.00% | 1,000 |
| 29/05/2025 | 29/05/2025 | VC6 | HNX   | Phát hành cổ phiếu                    | 12.00% |       |
| 29/05/2025 | 20/06/2025 | VC6 | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt<br>(1000/cp) | 10.00% | 1000  |
| 29/05/2025 | 29/05/2025 | L18 | HNX   | Phát hành cổ phiếu                    | 20.00% |       |
| 29/05/2025 | 17/06/2025 | TMB | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt<br>(2000/cp) | 20.00% | 2,000 |
| 29/05/2025 | 10/06/2025 | TTC | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt<br>(400/cp)  | 4.00%  | 400   |
| 29/05/2025 | 30/06/2025 | MCM | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt<br>(1000/cp) | 10.00% | 1000  |
| 29/05/2025 | 29/08/2025 | TOW | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt<br>(3050/cp) | 30.50% | 3,050 |
| 29/05/2025 | 25/06/2025 | DHP | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt<br>(500/cp)  | 5.00%  | 500   |
| 29/05/2025 | 23/06/2025 | NVP | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt<br>(325/cp)  | 3.25%  | 325   |
| 29/05/2025 |            | GKM | HNX   | Đại hội Đồng Cổ đông                  |        |       |
| 29/05/2025 | 29/05/2025 | DIG | HOSE  | Phát hành cổ phiếu                    | 6.00%  |       |
| 29/05/2025 | 28/06/2025 | FTM | UPCoM | Đại hội Đồng Cổ đông                  |        |       |
| 29/05/2025 | 30/06/2025 | VGG | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt<br>(1500/cp) | 15.00% | 1,500 |
| 29/05/2025 | 20/06/2025 | BCB | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt<br>(2810/cp) | 28.10% | 2810  |
| 29/05/2025 | 09/07/2025 | DVP | HOSE  | Đại hội Cổ đông Bất<br>thường         |        |       |
| 29/05/2025 | 17/06/2025 | PLC | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt<br>(500/cp)  | 5.00%  | 500   |
| 29/05/2025 | 04/07/2025 | HLS | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt<br>(1500/cp) | 15.00% | 1,500 |
| 29/05/2025 | 30/06/2025 | NQN | UPCoM | Đại hội Đồng Cổ đông                  |        |       |
| 29/05/2025 | 30/06/2025 | DDH | UPCoM | Đại hội Đồng Cổ đông                  |        |       |
| 29/05/2025 | 03/07/2025 | GLT | HNX   | Đại hội Đồng Cổ đông                  |        |       |
| 29/05/2025 |            | AMV | HNX   | Đại hội Đồng Cổ đông                  |        |       |
| 29/05/2025 |            | SPM | HOSE  | Đại hội Đồng Cổ đông                  |        |       |
| 29/05/2025 | 27/06/2025 | DTK | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt<br>(500/cp)  | 5.00%  | 500   |
| 29/05/2025 | 30/06/2025 | LIG | HNX   | Đại hội Đồng Cổ đông                  |        |       |
| 29/05/2025 | 27/06/2025 | MNB | UPCoM | Đại hội Đồng Cổ đông                  |        |       |
| 29/05/2025 | 27/06/2025 | BRS | UPCoM | Đại hội Đồng Cổ đông                  |        |       |

|            |            |     |       |                                       |        |       |
|------------|------------|-----|-------|---------------------------------------|--------|-------|
| 29/05/2025 |            | TGG | UPCoM | Đại hội Đồng Cổ đông                  |        |       |
| 29/05/2025 | 26/06/2025 | VLP | UPCoM | Đại hội Đồng Cổ đông                  |        |       |
| 29/05/2025 | 30/06/2025 | QSP | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt<br>(2000/cp) | 20.00% | 2,000 |
| 30/05/2025 |            | DIC | UPCoM | Đại hội Đồng Cổ đông                  |        |       |
| 30/05/2025 | 20/06/2025 | SEP | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt<br>(510/cp)  | 5.10%  | 510   |
| 30/05/2025 | 16/06/2025 | PMS | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt<br>(3000/cp) | 30.00% | 3,000 |
| 30/05/2025 | 30/06/2025 | TCD | HOSE  | Lấy ý kiến cổ đông bằng<br>văn bản    |        |       |
| 30/05/2025 | 26/06/2025 | VXP | UPCoM | Đại hội Đồng Cổ đông                  |        |       |
| 30/05/2025 | 28/06/2025 | TNA | UPCoM | Đại hội Đồng Cổ đông                  |        |       |
| 30/05/2025 | 20/06/2025 | AAA | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt<br>(300/cp)  | 3.00%  | 300   |
| 30/05/2025 | 27/06/2025 | VMD | HOSE  | Đại hội Đồng Cổ đông                  |        |       |
| 30/05/2025 | 30/06/2025 | HLT | UPCoM | Đại hội Đồng Cổ đông                  |        |       |
| 30/05/2025 |            | CTP | HNX   | Đại hội Đồng Cổ đông                  |        |       |
| 30/05/2025 | 27/06/2025 | HBS | HNX   | Đại hội Đồng Cổ đông                  |        |       |
| 30/05/2025 |            | MTV | UPCoM | Đại hội Đồng Cổ đông                  |        |       |
| 30/05/2025 | 17/06/2025 | BSP | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt<br>(1000/cp) | 10.00% | 1,000 |
| 30/05/2025 |            | BTV | UPCoM | Đại hội Đồng Cổ đông                  |        |       |
| 30/05/2025 | 28/06/2025 | BTN | UPCoM | Đại hội Đồng Cổ đông                  |        |       |
| 30/05/2025 | 30/06/2025 | ISH | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt<br>(1000/cp) | 10.00% | 1,000 |
| 30/05/2025 | 25/06/2025 | VTO | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt<br>(1000/cp) | 10.00% | 1,000 |
| 30/05/2025 | 28/06/2025 | IN4 | UPCoM | Đại hội Đồng Cổ đông                  |        |       |
| 30/05/2025 | 26/06/2025 | SCS | HOSE  | Đại hội Đồng Cổ đông                  |        |       |
| 30/05/2025 |            | CEN | UPCoM | Đại hội Đồng Cổ đông                  |        |       |
| 30/05/2025 |            | MH3 | UPCoM | Đại hội Đồng Cổ đông                  |        |       |
| 30/05/2025 | 27/06/2025 | DVP | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt<br>(4000/cp) | 40.00% | 4000  |
| 30/05/2025 | 16/06/2025 | GLW | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt<br>(500/cp)  | 5.00%  | 500   |

**■ Nguyên tắc đánh giá của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam với cổ phiếu dựa trên lợi nhuận kỳ vọng trong 12 tháng tới**

- MUA: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là 15% hoặc hơn.
- Giữ: Tổng lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 15%.
- Bán: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là -5% hoặc thấp hơn.
- CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không cung cấp giá mục tiêu với cổ phiếu khuyến nghị Giữ hoặc Bán.

**■ Nguyên tắc đánh giá của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam với ngành trong 12 tháng tới**

- Nâng tỷ trọng: Khuyến nghị tăng tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
- Trung lập: Khuyến nghị giữ tỷ trọng của ngành trong danh mục bằng với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
- Giảm tỷ trọng: Khuyến nghị giảm tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.

**■ Xác nhận của chuyên viên phân tích**

Chúng tôi, chuyên viên phân tích thực hiện báo cáo này, xác nhận rằng báo cáo phản ánh chính xác quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty được phân tích trong báo cáo. Chúng tôi cũng xác nhận rằng chúng tôi đã, đang và sẽ không nhận được các khoản lợi ích cá nhân nào, liên quan đến khuyến nghị và quan điểm trong báo cáo, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

## Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyển bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2025 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.